

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 124/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2017
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hạnh

2. Ông Mai Xuân Dừng

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXX-ST ngày 07/7/2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P - Sinh năm: 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình Q - Sinh năm: 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:**

Tôi và ông Trần Đình Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/9/2009.

Khi tôi mang thai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông Q mãi ham chơi không quan tâm chăm sóc vợ con và có quen biết với người phụ nữ khác. Mặc dù rất đau khổ nhưng tôi vẫn cố gắng chịu đựng để tình cảm vợ chồng được ấm áp.

Sau khi sinh con ra ông Q vẫn không thay đổi tính tình mà tiếp tục có lối sống bê tha, bỏ mặc vợ con. Vì cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc nên tôi đã nhiều lần bế con bỏ về nhà mẹ đẻ đến tận tết năm 2016 thì mẹ con tôi quay về lại nhà chồng sinh sống để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng chồng vẫn lạnh nhạt, không nghĩ đến vợ con mà chỉ rượu chè, ăn chơi. Hai vợ chồng cả tuần chẳng nói chuyện với nhau câu nào nên tôi quyết định đi ra ngoài ở riêng, không sống cùng chồng trong gia đình chồng nữa. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Q nữa mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là: Cháu Trần Ngọc Anh T - sinh ngày 16/02/2012, từ bé đến giờ cháu sống cùng với tôi nên tôi có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ, chồng tôi không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tôi.

* **Bị đơn anh Trần Đình Q** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Đình Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng anh Q không đến Tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Đình Q là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với Trần Đình Q và nguyện vọng chăm sóc nuôi con chung. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua các bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/9/2009. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Đình Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa; Chị P xác định hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nữa. Vì vợ chồng không có cùng tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị đã sống ly thân với anh Q từ năm 2016 đến nay và kể từ khi ly thân đến nay anh Q và chị chưa hề quay lại đoàn tụ với nhau. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình Q và chị P có nguyện vọng được

nuôi cháu Trần Ngọc Anh T, sinh ngày: 16/02/2012, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cháu T đang sống cùng với chị P.

Hội đồng xét xử xét thấy; Cuộc sống chung của vợ chồng chị Nguyễn Thị P không thể duy trì nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị P, anh Trần Đình Q có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Anh T, sinh ngày: 16/02/2012. Hiện cháu T vẫn đang còn nhỏ và cháu T đã sống với mẹ từ bé đến nay nên Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên giao cháu Trần Ngọc Anh T cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị P không yêu cầu anh Trần Đình Q cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra đề giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Trần Đình Q.

Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc Anh T sinh ngày: 16/02/2012 đến tuổi trưởng thành.

Anh Trần Đình Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Trần Đình Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị

Nguyễn Thị P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2016/0000272 ngày 21 tháng 4 năm 2017.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- UBND phường T, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ My